TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI
Bản án: 16/2019/HNGĐ-ST
Ngày 10/5/2019
V/v: Ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải, ông Trịnh Ngọc Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thượng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 10/5/2019 tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 24/2019/TLST-HNGĐ ngày 18/01/2019, về việc "Ly hôn"; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/4/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị V, sinh năm 19...;

Bị đơn: Ông Cao Minh H, sinh năm 19...;

Các đương sự cùng nơi cư trú tại tổ ..., ấp ..., xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đơn khởi kiện ngày 15/01/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Vinh trình bày*:

- Nguyên đơn và bị đơn kết hôn, có giấy chứng nhận kết hôn năm 2002 của Ủy ban nhân dân xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 1996 có những mâu thuẫn giữa vợ và chồng, do bị đơn không có trách nhiệm với vợ, con, để giải quyết hoạt động chung của các thành viên trong gia đình. Ngoài ra, bị đơn còn có rất nhiều lần ăn, uống rượu bia và có những lời nói sai, vi phạm đối với nguyên đơn. Vợ chồng không còn sống chung nhiều lần, đã ly thân nhiều năm, có lúc ly thân đến 04 năm.

- Các đương sự có 02 người con là Cao Quốc Th, sinh năm ... và Cao Thị Thùy L, sinh năm ...

Các con đã thành niên, vợ chồng không có nợ chung, tài sản chung của vợ chồng không có tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề này, chỉ yêu cầu được ly hôn.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/01/2019, trong phiên họp hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Cao Minh Hải trình bày*:

Ý kiến trình bày của nguyên đơn về hôn nhân, con, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng là đúng sự thật.

Từ năm 2013 vợ chồng có những mâu thuẫn, bị đơn có nhiều lần nói nguyên đơn có quan hệ ngoại tình (có tình yêu với người nam khác), có khi nói các nội dung mâu thuẫn vợ chồng với nguyên đơn trong thời gian 01, 02 giờ đêm. Vợ chồng không còn sống chung nhiều lần, có lúc ly thân đến 04 năm là đúng.

Bị đơn vẫn còn tình nghĩa vợ chồng nên không đồng ý ly hôn.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Căn cứ: Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị V được ly hôn với ông Cao Minh H; các con của các đương sự đã thành niên, các đương sự không có nợ chung, về tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; bà Lê Thị V phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn nên quan hệ pháp luật phải giải quyết trong vụ án là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan hệ hôn nhân gia đình của các đương sự được xác lập năm 1998, đến nay Tòa án đang giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về nội dung vụ án:

Hôn nhân giữa các đương sự là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân giữa các đương sự được coi là hợp pháp.

Qua ý kiến trình bày của các đương sự và tài liệu, chứng cứ được kiểm tra tại phiên tòa là các tài liệu chứng minh các đương sự có nhiều mâu thuẫn, bị đơn đã nhiều lần có lời nói, hành vi không đúng với nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, giúp đỡ giữa vợ và chồng, vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là phù hợp Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đối với con của các đương sự đã đủ 18 tuổi, các đương sự không có nợ chung, về tài sản chung của vợ chồng không có tranh chấp không khởi kiện nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ vụ án, các quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147; Điều 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 51, khoản 1 Điều 56, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị V.

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị V được ly hôn với ông Cao Minh H
- Về tài sản chung, nợ chung, về trách nhiệm của các đương sự đối với con: Các đương sự không khởi kiện Hội đồng xét xử không giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 006242 ngày 18/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND cấp xã nêu trên;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Võ Kim Đính